**Phụ lục 2**

**Bảng câu hỏi**

(*Kèm Công văn số 1539/SKHĐT-TTXT ngày 20/8/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư*)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  **Số phiếu** |  |  |  |

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

[Mẫu B]

(Phiếu khảo sát chỉ được sử dụng duy nhất vào mục đích thống kê và nghiên cứu. Chúng tôi cam kết bảo mật và chịu mọi trách nhiệm liên quan đến bảo mật thông tin mà doanh nghiệp cung cấp)

***Nơi doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ chọn một lựa chọn***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  1. Thành phố Trà Vinh |  2. Thị xã Duyên Hải | 3. Huyện Châu Thành |
|  4. Huyện Tiểu Cần | 5. Huyện Cầu Kè | 6. Huyện Càng Long |
| 7. Huyện Cầu Ngang | 8. Huyện Trà Cú | 9. Huyện Duyên Hải |

**I. CHỈ SỐ TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**Câu 1. Doanh nghiệp đánh giá trải nghiệm truy cập vào trang thông tin điện tử (website):**

|  |
| --- |
| a. Trải nghiệm truy cập vào trang thông tin điện tử của UBND/huyện/Thành phố/thị xã) |
| □ **Đã truy cập, với số lượng như sau:**(Chỉ chọn một phương án trả lời)□ 01 – 02 lần□ 03 – 04 lần□ 05 – 06 lần□ Trên 06 lần | □ **Chưa từng truy cập, vì những lý do sau:**(Có thể chọn nhiều phương án)□ Không có nhu cầu tìm kiếm thông tin□ Không biết địa phương có website□ Địa phương không có website(nếu đã từng truy cập chuyển qua câu 2) |

Câu 2. Nếu đã truy cập vào trang thông tin điện tử của địa phương, vui lòng cho biết ý kiến với những nội dung dưới đây: *(Chỉ chọn một phương án với mỗi đánh giá)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Dễ dàng tìm được thông tin trên website | □ | □ | □ | □ |
| 2. Website đáp ứng nhu cầu thông tin của Doanh nghiệp | □ | □ | □ | □ |
| 3. Các văn bản quy phạm pháp luật mới được cập nhật trên website | □ | □ | □ | □ |
| 4. Website có dịch vụ hỏi đáp/hỗ trợ trực tuyến | □ | □ | □ | □ |
| 5. Thông tin được cập nhật thường xuyên | □ | □ | □ | □ |
| 6. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập đơn giản | □ | □ | □ | □ |
| 7. Mất ít thời gian để tìm được thông tin | □ | □ | □ | □ |
| 8. Thông tin trên website còn phong phú | □ | □ | □ | □ |
| 9. Có thể tải tài liệu/quy hoạch/kế hoạch của địa phương từ website một cách thuận tiện | □ | □ | □ | □ |
| 10. Website cung cấp cơ sở dữ liệu về thị trường, danh sách doanh nghiệp, dự án của địa phương | □ | □ | □ | □ |
| 11. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thăc mắc/ý kiến của Doanh nghiệp | □ | □ | □ | □ |

**Câu 3. Doanh nghiệp đã từng thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) tại Bộ phận một cửa của huyện/thị xã/thành phố chưa?**

|  |  |
| --- | --- |
| □ Đã đến thực hiện TTHC tại Bộ phận một cửa của huyện/thị xã /thành phố | □ Chưa từng đến thực hiện TTHC tại Bộ phận một cửa của huyện/thị xã/thành phố, đề nghị nêu lý do cụ thể: (Có thể chọn nhiều phương án)□ Không có nhu cầu đến làm thủ tục□ Địa phương chưa triển khai Bộ phận một cửa□ Sử dụng dịch vụ của bên thứ ba (tư vấn, môi giới, người quen làm thay, ...)🡺 (Vui lòng chuyển sang Câu 5) |

**Câu 4. Liên quan đến thủ tục hành chính của DN tại Bộ phận một cửa - huyện/thị xã/thành phố, vui lòng cho biết ý kiến về những nhận định sau: *(Chỉ chọn một phương án với mỗi đánh giá)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Thủ tục được niêm yết công khai tại bảng thông tin | □ | □ | □ | □ |
| 2. Quy trình và thủ tục dễ hiểu, dễ thực hiện | □ | □ | □ | □ |
| 3. Phí và lệ phí công khai, minh bạch | □ | □ | □ | □ |
| 4. Cán bộ ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực | □ | □ | □ | □ |
| 5. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật hiện hành | □ | □ | □ | □ |
| 6. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhanh hơn quy định của pháp luật hiện hành | □ | □ | □ | □ |
| 7. Không có hiện tượng cán bộ gây khó khăn/trì hoãn thủ tục để trục lợi | □ | □ | □ | □ |
| 8. Cán bộ hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình | □ | □ | □ | □ |

**Câu 5. Doanh nghiệp cho biết ý kiến về các nhận định sau:** *(Chỉ chọn một phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC | □ | □ | □ | □ |
| 2. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp dễ tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của địa phương | □ | □ | □ | □ |
| 3. Doanh nghiệp vừa và nhỏ được giải quyết các thủ tục hành chính công bằng, công khai như các khối doanh nghiệp khác | □ | □ | □ | □ |
| 4. Doanh nghiệp vừa và nhỏ được đối xử và tiếp cận công bằng với các khối doanh nghiệp khác về thông tin, thủ tục hành chính | □ | □ | □ | □ |
| 5. Doanh nghiệp có thể tự tìm kiếm các thông tin về thu hút đầu tư tại địa phương trên các nguồn thông tin đại chúng | □ | □ | □ | □ |
| 6. Doanh nghiệp có thể tự tìm kiếm các thông tin về quy hoạch đất đai trên các nguồn thông tin đại chúng. | □ | □ | □ | □ |

**II. CHỈ SỐ THIẾT CHẾ PHÁP LÝ**

**Câu 6. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan hành chính địa phương làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, Doanh nghiệp có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thấm quyền chưa?** (Chỉ chọn MỘT phương án)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **□ Có biết và đã từng khiếu nại**Các hình thức khiếu nại đã sử dụng: (Có thể chọn nhiều phương án)□ Hòm thư điện tử□ Đường dây nóng□ Văn bản gửi các cơ quan□ Trao đổi trực tiếp với cấp quản lý có thẩm quyền□ Hòm thư góp ý tại cơ quan | **□ Có biết, nhưng chưa từng khiếu nại**Lý do**:** (Có thể chọn nhiều phương án)□ Chưa từng gặp phải trường hợp này□ *Không nắm rõ quy trình khiếu nại (ai/bộ phận nào tiếp nhận)*□ Cho rằng việc khiếu nại sẽ không có hiệu quả□ Khác(ghi rõ):………………………**Nếu chưa từng khiếu nại, chuyển qua câu 8** | **□ Không biết là có cơ chế khiếu nại** |

**Câu 7. Nếu Doanh nghiệp đã từng khiếu nại, xin cho biết ý kiến về các nhận định liên quan đến hiệu quả của công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thấm quyền?** (Chỉ chọn một phương án với mỗi nhận định)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng | □ | □ | □ | □ |
| 2. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại | □ | □ | □ | □ |
| 3. Có cơ chế đảm bảo các quyết định được ban hành theo đúng pháp luật | □ | □ | □ | □ |
| 4. Doanh nghiệp phải khiếu nại vượt cấp | □ | □ | □ | □ |

**Câu 8. Doanh nghiệp cho biết mức độ đồng tình/ủng hộ với những nhận định dưới đây?** (Chỉ chọn một phương án với mỗi nhận định)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Nhận định*** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Từ năm 2018 đến nay, có hiện tượng cơ sở của Doanh nghiệp bị đột nhập và/hoặc tài sản của Doanh nghiệp bị mất trộm | □ | □ | □ | □ |
| 2. Doanh nghiệp phải bỏ nhiều chi phí thuê, hợp đồng các dịch vụ bảo vệ, an ninh để bảo vệ tài sản của doanh nghiệp | □ | □ | □ | □ |
| 3. Cơ quan công an và chính quyền địa phương giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản của doanh nghiệp trên địa bàn. | □ | □ | □ | □ |
| 4. Cơ quan công an và chính quyền địa phương tạo cảm giác an toàn cho người lao động của doanh nghiệp sinh hoạt và lao động trên địa bàn. | □ | □ | □ | □ |
| 5. Doanh nghiệp phải trả chi phí cho các dịch vụ bảo kê hoặc dịch vụ bảo vệ ngầm để được yên ổn sản xuất kinh doanh | □ | □ | □ | □ |
| 6. Hiện tượng trả chi phí cho các dịch vụ bảo kê hoặc dịch vụ bảo vệ ngầm để được yên ổn sản xuất kinh doanh trên địa bàn là phổ biến | □ | □ | □ | □ |

III. TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ HIỆU LỰC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

**Câu 9. Doanh nghiệp cho biết ý kiến với các nhận định sau đây, liên quan đến tính năng động của địa phương (UBND huyện/thị xã/thành phố và các phòng, ban trực thuộc)?** Tính năng động của địa phương được hiểu trong bối cảnh triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và UBND tỉnh (Chỉ chọn một phương án với mỗi nhận định).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh | □ | □ | □ | □ |
| 2. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn | □ | □ | □ | □ |
| 3. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với doanh nghiệp | □ | □ | □ | □ |
| 4. Chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện/tỉnh | □ | □ | □ | □ |
| 5. Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cụ thể | □ | □ | □ | □ |
| 6. Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh | □ | □ | □ | □ |
| 7. Đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện trong năm qua | □ | □ | □ | □ |

**IV. VAI TRÒ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

**Câu 10. Doanh nghiệp cho biết ý kiến với nhận định sau liên quan đến công tác điều hành của lãnh đạo chính quyền địa phương từ năm 2018 đến hiện nay?** (Chỉ chọn một phương án với mỗi đánh giá)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Lãnh đạo chính quyền có ảnh hưởng quyết định tới công tác cải cách thủ tục hành chính tại địa phương | □ | □ | □ | □ |
| 2. Lãnh đạo chính quyền lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp | □ | □ | □ | □ |
| 3. Lãnh đạo chính quyền có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp | □ | □ | □ | □ |
| 4. Lãnh đạo chính quyền giải quyết nhanh chóng và triệt để vấn đề cụ thể của doanh nghiệp | □ | □ | □ | □ |
| 5. Lãnh đạo địa phương kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền | □ | □ | □ | □ |
| 6. Lãnh đạo địa phương đề cao môi trường sáng tạo | □ | □ | □ | □ |
| 7. Lãnh đạo địa phương đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ cơ sở có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn - tiêu cực được doanh nghiệp phản ánh | □ | □ | □ | □ |
| 8. Lãnh đạo địa phương tham gia điều hành tham vấn doanh nghiệp và các kết luận, cam kết của lãnh đạo được thực hiện, triển khai đầy đủ | □ | □ | □ | □ |
| 9. Doanh nghiệp ửng hộ lãnh đạo địa phương | □ | □ | □ | □ |

**V. CHI PHÍ THỜI GIAN VÀ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC**

**Câu 11. Doanh nghiệp có đánh giá như thế nào về thời gian tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại địa phương?**

□ Rất nhanh □ Tương đối nhanh □ Tương đối chậm □ Rất chậm

**Câu 12. Doanh nghiệp cho biết ý kiến về hoạt động thanh tra, kiểm tra của chính quyền địa phương (UBND)?** (thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra đột xuất)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Năm 2018** | **Năm 2019** |
| Số lần các đoàn công tác của chính quyền địa phương tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là: (lần**)** | \_\_\_\_\_\_\_\_ lần | \_\_\_\_\_\_\_\_ lần |
| Thời gian trung bình của 01 đợt thanh kiểm tra: (ngày làm việc) | \_\_\_\_\_\_\_\_ ngày | \_\_\_\_\_\_\_\_ ngày |
| Trong năm, nội dung làm việc của các đoàn thanh tra, kiểm tra có bị trùng lặp không? (với 0= Không trùng lặp; 1= Có trùng lặp) |  |  |

Câu 13: Hàng năm Doanh nghiệp phải chi trả bao nhiêu phần trăm trên tổng số lợi nhuận cho các “Chi phí không chính thức” đối với cán bộ chính quyền địa phương? *(Chỉ chọn một phương án)*

□ Không có □ Không đáng kể (dưới 3% lợi nhuận) □ Đáng kể *(trên 3% lợi nhuận)* □ Không biết

Câu 14. Doanh nghiệp đánh giá thế nào về các nhận định sau? *(Chỉ chọn một phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến tại địa phương | □ | □ | □ | □ |
| 2. Doanh nghiệp quan niệm chi phí không chính thức là một phần của thực tế kinh doanh | □ | □ | □ | □ |
| 3. Doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi | □ | □ | □ | □ |
| 4. Chi phí không chính thức gây thiệt hại cho Doanh nghiệp | □ | □ | □ | □ |
| 5. Doanh nghiệp coi chi phí không chính thức là khoản tiền bồi dưỡng cho những nỗ lực làm thêm, làm ngoài giờ hành chính của cán bộ nhà nước | □ | □ | □ | □ |
| 6. Các khoản phí, lệ phí được giảm bớt so với trước đây | □ | □ | □ | □ |
| 7. Thủ tục, giấy tờ giảm nhiều so với trước đây | □ | □ | □ | □ |
| 8. Hiện tượng gây khó khăn cho doanh nghiệp giảm bớt so với trước đây | □ | □ | □ | □ |
| 9. Chi phí không chính thức giảm bớt so với trước đây | □ | □ | □ | □ |

**VI. CHỈ SỐ CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG**

**Câu 15. Theo nhận xét của Doanh nghiệp, có hiện tượng các doanh nghiệp lớn như: Tổng công ty, Tập đoàn lớn, Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp FDI... đang hoạt động trên địa bàn được ưu ái hơn so với doanh nghiệp tư nhân không?**

□ Có □ Không (Chuyển tới Câu 16) □ Không biết (Chuyển tới Câu 16)

**a) Nếu Doanh nghiệp chọn ‘‘Có’’, vui lòng cho biết sự ưu ái đó được thể hiện trong các khía cạnh nào?** (Chỉ chọn một phương án với mỗi đánh giá)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Doanh nghiệp lớn, nhà nước, FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận thông tin | □ | □ | □ | □ |
| 2. Nhận được các đối xử ưu đãi hơn so với doanh nghiệp tư nhân (ví dụ: ưu đãi về vốn vay, lãi suất và thời gian vay, chi phí thuê mặt bằng kinh doanh,...) | □ | □ | □ | □ |
| 3. Giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp lớn, nhà nước, FDI nhanh chóng, đơn giản hơn | □ | □ | □ | □ |
| 4. Doanh nghiệp lớn, nhà nước, FDI được ưu tiên trong giải quyết tranh chấp, xung đột với các bên liên quan | □ | □ | □ | □ |

**b) Sự ưu ái đó có gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp như thế nào?** (Chỉ chọn một phương án)

□ Không ảnh hưởng tới doanh nghiệp □ Có nhưng không ảnh hưởng nhiều

□ Khó khăn □ Rất khó khăn

**VII. DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP**

**Câu 16. Từ năm 2018 đến nay, Doanh nghiệp có nhận được các dịch vụ hỗ trợ do địa phương tổ chức như liệt kê dưới đây không?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp** | 0- Không tham gia1- Có tham gia2- Có thông tin nhưng không tham gia | **Nếu có nhận, đánh giá tính hiệu quả**1 - Thực chất2 - Phần nào thực chất3 – Phần nào mang tính hình thức4 – Chỉ mang tính hình thức | **Nếu không, lý do không nhận là gì?**1 - Không có thời gian2 - Nội dung không phù hợp3 - Thư mời được gửi đến muộn4 - Khác(ghi rõ):…………… |
| 1. Tham gia các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật |  |  |  |
| 2. Tham gia các buổi đối thoại doanh nghiệp |  |  |  |
| 3. Tư vấn tiếp cận thông tin các văn bản pháp luật |  |  |  |
| 4. Tư vấn tiếp cận thị trường |  |  |  |
| 5. Hỗ trợ thực hiện cam kết trong các hợp đồng đầu tư kinh doanh |  |  |  |
| 6. Nhận được sự hỗ trợ về tài chính trong việc xây dựng và triển khai các dự án đầu tư |  |  |  |
| 7. Hỗ trợ về thủ tục pháp lý, xử lý tranh chấp |  |  |  |
| 8. Hỗ trợ tiếp cận, đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh |  |  |  |
| 9. Chưa tham gia hay nhận được bất kỳ hỗ trợ nào của địa phương |  |  |  |

**Câu 17.** **Nếu doanh nghiệp đã từng tham gia các buổi đối thoại doanh nghiệp do chính quyền địa phương tổ chức, vui lòng đánh giá về các nhận định sau:** (Chỉ chọn một phương án với mỗi nhận định)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Công tác đối thoại dẫn đến những kết quả cụ thể | □ | □ | □ | □ |
| 2. Đối thoại chủ yếu phản ánh tiếng nói và yêu cầu của các doanh nghiệp lớn và/hoặc doanh nghiệp có quan hệ với chính quyền | □ | □ | □ | □ |
| 3. Vấn đề, quan ngại của doanh nghiệp vừa và nhỏ được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại | □ | □ | □ | □ |
| 4. Chính quyền địa phương có kế hoạch cụ thể, tiếp thu và thay đổi sau đối thoại | □ | □ | □ | □ |
| 5. Kết quả và những cải thiện sau đối thoại được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông (bao gồm website/trang thông tin của chính quyền địa phương) | □ | □ | □ | □ |
| 6. Thái độ công vụ của cán bộ được cải thiện theo chiều hướng đúng mực, tích cực, kịp thời sau đối thoại | □ | □ | □ | □ |
| 7. Kết quả giải quyết kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp có được công khai rộng rãi cho cộng đông doanh nghiệp sau đối thoại | □ | □ | □ | □ |
| 8. Doanh nghiệp đánh giá kết quả đối thoại với chính quyền năm 2019 thay đổi theo hướng thực chất hơn so với đối thoại năm 2018 | □ | □ | □ | □ |

**Câu 18. Doanh nghiệp đánh giá thế nào về mức độ cải thiện trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nói chung của chính quyền địa phương trong năm vừa qua**?

1 - Mức cải thiện nhiều nhất

2 - Cải thiện ở mức độ vừa phải

3 - Có cải thiện đôi chút

4 - Không có cải thiện

**THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Câu 23. Tên doanh nghiệp/HTX: ………………………………………………………..

Câu 24. Địa chỉ: ………………………………………………………………………..

Câu 25. Số điện thoại liên hệ:………………… Email: ………………………………….

Câu 26. Doanh nghiệp có tham gia Hiệp hội Doanh nghiệp/Hiệp hội ngành nghề tỉnh Trà Vinh?

□Có □ Không

Nếu có cho biết tên Hiệp hội/Hội DN: ……………………………………………………

Đề nghị anh/chị cho biết lợi ích của việc tham gia các Hiệp hội trên: …………………

Câu 27. Doanh nghiệp có góp ý/đề xuất gì nhằm cải thiện năng lực điều hành của Sở, ban, ngành và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh?

…………………………………………………………………………………………….

Chúng tôi cam kết thông tin Anh/Chị cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất cho mục đích đánh giá. Đóng góp ý kiến của Anh/Chị đã và đang góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh Trà Vinh xây dựng địa phương thành nơi đáng sống và làm việc cho mọi công dân.

Xin chân thành cảm ơn Anh/Chị đã tham gia khảo sát!

Mẫu A: PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP VỀ SỞ, BAN, NGÀNH

(Phiếu khảo sát chỉ được sử dụng duy nhất vào mục đích thống kê và nghiên cứu.Chúng tôi cam kết bảo mật và chịu mọi trách nhiệm liên quan đến bảo mật thông tin mà doanh nghiệp cung cấp).

**I. CHỈ SỐ TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**Câu 1. Doanh nghiệp đánh giá về hệ thống trang thông tin điện tử (website/fanpage) của các Sở, ban, ngành tỉnh Trà Vinh từ năm 2018 đến hiện nay?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | Tích vào ô số 0 nếu chưa từng truy cập vào Website và chuyển qua dòng tiếp theo | Nếu “đã từng truy cập”, với mỗi một nội dung dưới đây, vui lòng chỉ chọn một trong bốn phương án bằng cách điền số tương ứng từ 1 - 4 vào ô vuông: 1 – Hoàn toàn đồng ý; 2- Phần nào đồng ý; 3- Phần nào không đồng ý; 4- Không đồng ý |
| Website đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của Doanh nghiệp | Website được cập nhập, đăng tải các văn bản, tin tức thường xuyên | Website có cán bộ hỗ trợ trực tuyến | Thông tin trên website phong phú | Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập đơn giản | Doanh nghiệp mất ít thời gian để tìm được thông tin |
| Sở Giao thông vận tải | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tư pháp | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Xây dựng | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Lao động – thương binh và Xã hội | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Công thương | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tài chính | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Y tế | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Cục thuế | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Bảo hiểm xã hội | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ |

Câu 2. Doanh nghiệp **đánh giá** về chất lượng dịch vụ một cửa của Sở, ban, ngành trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) **từ năm 2018 đến hiện nay** ?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | Nếu chưa từng làm thủ tục tại bộ phận một cửa, đánh dấu vào ô số “0” và chuyển sang câu tiếp theo | Nếu đã từng làm thủ tục tại bộ phận một của, Doanh nghiệp chỉ chọn một trong bốn phương án bằng cách điền số tương ứng từ 1 - 4 vào ô vuông: 1 – Hoàn toàn đồng ý; 2- Phần nào đồng ý; 3- Phần nào không đồng ý; 4- Không đồng ý |
| Thủ tục được niêm yết công khai tại bảng tin/bảng hướng dẫn | Quy trình và thủ tục dễ hiểu, dễ thực hiện | Phí và lệ phíCông khaiMinh bạch | Cán bộ ứng xử chuyênnghiệp đúngmực | Thời gian giải quyết TTHC theo đúng quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết TTHC nhanh hơn quy định của pháp luật hiện hành | Cán bộ hỗ trợ Doanh nghiệp nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc | Không có hiện tượng cán bộ gây khó khăn/trì hoãn thủ tục để trục lợi |
| Sở Giao thông vận tải | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tư pháp | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Xây dựng | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Lao động – thương binh và XH | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Công thương | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tài chính | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Y tế | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Cục thuế | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Bảo hiểm xã hội | □ 0 | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |

II. CHỈ SỐ THIẾT CHẾ PHÁP LÝ

**Câu 3. Sở, ban, ngành có công bố/công khai lấy ý kiến doanh nghiệp khi xây dựng các văn bản pháp luật từ năm 2018 đến hiện nay?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | KB – Không biết 0 – Không được lấy ý kiến1 - Được lấy ý kiến | Nếu doanh nghiệp được lấy ý kiến, có thể chọn nhiều phương án bằng cách đánh dấu tích “✓” cho mỗi dòng. |
| 1-Qua trang thông tin điện tử | 2-Qua đối thoại trực tiếp với DN | 3-Gửi thư/thư điện tử cho doanh nghiệp | 4-Hình thức khác |
| Sở Giao thông vận tải | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Tư pháp | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Xây dựng | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Lao động – thương binh và Xã hội | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Công thương | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Tài chính | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Sở Y tế | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Cục thuế | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| Bảo hiểm xã hội | □ 0 □ 1 □ KB | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |

**Câu 4. Doanh nghiệp cho biết về hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến pháp luật của các Sở, ban, ngành tỉnh Trà Vinh từ năm 2018 đến hiện nay?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | KB – Không biết0 – Không được lấy ý kiến1 - Được lấy ý kiến | Nếu có doanh nghiệp tiếp cận qua hình thức nào? (có thể chọn nhiều phương án bằng cách đánh dấu tích “✓” cho mỗi dòng). |
| 1-Qua cổng thông tin điện tử (website) | 2-Qua đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp | 3-Thông báo qua truyền thông đại chúng | 4-Gửi thư/thư điện tử cho doanh nghiệp | 5-Các hình thức khác |
| Sở Giao thông vận tải | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Tư pháp | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Xây dựng | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Lao động – thương binh và XH | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Công thương | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Tài chính | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Sở Y tế | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Cục thuế | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |
| Bảo hiểm xã hội | □ 0 □ 1 □ KB | □  | □  | □  | □  | □  |

**Câu 5. Doanh nghiệp vui lòng cho ý kiến về công tác thi hành, thực thi pháp luật của các Sở, ban, ngành tỉnh Trà Vinh từ năm 2018 đến hiện nay.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | a) Sở, ban, ngành triển khai, phổ biến các VBPL nhất quán giữa các nhóm đối tượng | b) Sở, ban, ngành triển khai, phổ biến các VBPL theo đúng quy trình, quy định | c) Sở, ban, ngành tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định của VBPL |
| Đánh “✓” cho một phương án lựa chọn ở mỗi dòng: 0 - Không đồng ý; 1- Đồng ý; KB- Không biết |
| Sở Giao thông vận tải | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Tư pháp | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Xây dựng | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Lao động – thương binh và Xã hội | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Công thương | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Tài chính | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Sở Y tế | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Cục thuế | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |
| Bảo hiểm xã hội | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB | □ 0 □ 1 □ KB |

**III. TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ HIỆU LỰC CỦA HỆ THỐNG SỞ, BAN, NGÀNH**

***Câu 6. Doanh nghiệp đánh giá về mức độ hài lòng đối với tính năng động của Sở, ban, ngành tỉnh Trà Vinh ở các nội dung sau? (*từ năm 2018 đến hiện nay*).***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | a) Công tác tiếp nhận, phản ánh và xử lý những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp có kịp thời | b) Tính chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất và kiến nghị UBND tỉnh hoặc công tác hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh | c) Sở, ban, ngành tích cực vào cuộc khi thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh |
| Điền số thích hợp vào mỗi ô vuông: 1- Hài lòng; 2- Phần nào hài lòng; 3- Phần nào chưa hài lòng; 4- Chưa hài lòng |
| Sở Giao thông vận tải | □ | □ | □ |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ | □ | □ |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ | □ | □ |
| Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | □ | □ | □ |
| Sở Tư pháp | □ | □ | □ |
| Sở Xây dựng | □ | □ | □ |
| Sở Lao động – thương binh và Xã hội | □ | □ | □ |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ | □ | □ |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ | □ | □ |
| Sở Công thương | □ | □ | □ |
| Sở Tài chính | □ | □ | □ |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ | □ | □ |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ | □ | □ |
| Sở Y tế | □ | □ | □ |
| Cục thuế | □ | □ | □ |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ | □ | □ |
| Bảo hiểm xã hội | □ | □ | □ |

**IV. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU SỞ, BAN, NGÀNH**

**Câu 7. Doanh nghiệp đánh giá về vai trò lãnh đạo (người đứng đầu) các Sở, ban, ngành như thế nào?**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | Lãnh đạo Sở, ban, ngành có ảnh hưởng quyết định tới công tác cải cách thủ tục hành chính tại địa phương | Lãnh đạo Sở, ban, ngành trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN các kết luận, cam kết của lãnh đạo được thực hiện triệt để | Lãnh đạo Sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp | Lãnh đạo Sở, ban, ngành kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền  | Lãnh đạo Sở, ban, ngành giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp | Lãnh đạo Sở, ban, ngành đề cao môi trường sáng tạo | Doanh nghiệp ủng hộ lãnh đạo đơn vị |
| *Điền số thích hợp vào mỗi ô vuông: 1 – Hoàn toàn đồng ý; 2- Phần nào đồng ý; 3- Phần nào không đồng ý; 4- Không đồng ý* |
| Sở Giao thông vận tải | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tư pháp | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Xây dựng | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Lao động – thương binh và XH | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Công thương | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tài chính | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Y tế | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Cục thuế | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Bảo hiểm xã hội | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |

**V. CHI PHÍ THỜI GIAN VÀ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC**

**Câu 8. Doanh nghiệp cho biết ý kiến về hoạt động thanh tra, kiểm tra của các Sở, ban, ngành tỉnh Trà Vinh từ năm 2018 đến hiện nay?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | a) Sở, ban, ngành dưới đây có tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp từ năm 2018 đến hiện nay? (Đảnh dấu ✓ vào một phương án lưa chọn ở mỗi dòng)KB - Không biết *(bỏ qua ý b)*0- Không *(bỏ qua ý b)*1- Có (trả lời tiếp ý b) | b) Nội dung thanh tra, kiểm tra là gì? |
| 1-Thanh tra, kiểm tra về doanh nghiệp tuân thủ các quy định pháp luật | 2-Khác (Ghi rõ nội dung) | 3-Số lần thanh tra, kiểm tra (ghi rõ) |
| Sở Giao thông vận tải | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Tư pháp | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Xây dựng | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Lao động – thương binh và Xã hội | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Công thương | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Tài chính | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Sở Y tế | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Cục thuế | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |
| Bảo hiểm xã hội | □ 0 □ 1 □ KB | □ | .......................................................... | Năm 2018:\_\_\_lần; Năm 2019\_\_\_lần |

**Câu 9. Doanh nghiệp đánh giá “Chi phí không chính thức” với các Sở, ban, ngành thay đổi như thế nào từ năm 2018 đến hiện nay?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | a) Chi phí không chính thức từ năm 2018 đến hiện nay ở mức độ như thế nào? (Đánh dấu ✓ vào một phương án lựa chọn ở mỗi dòng)KB- Không biết 0- Không có1- Có, nhưng không đáng kể (dưới 3% lợi nhuận)2- Có, đáng kể *(trên 3% lợi nhuận)* | b) Doanh nghiệp đánh giá về những thay đổi, cải thiện chi phí không chính thức của các Sở, ban, ngành: |
| 1- Doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi | 2- Hiện tượng nhũng nhiễu giảm bớt so với năm trước đó | 3- Các khoản chi phí không chính thức giảm bớt so với trước đó |
| Điền số thích hợp vào mỗi ô vuông: 1 – Hoàn toàn Đồng ý; 2- Phần nào đồng ý; 3- Phần nào không đồng ý; 4- Không đồng ý |
| Sở Giao thông vận tải | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Tư pháp | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Xây dựng | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Lao động – thương binh và XH | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Công thương | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Tài chính | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Sở Y tế | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Cục thuế | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |
| Bảo hiểm xã hội | □ 01 □ 1 □ 2 □ KB | □ | □ | □ |

**VI. CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG**

**Câu 10. Theo nhận xét của doanh nghiệp thì các Sở, ban, ngành dưới đây có đối xử ưu ái giữa các Tổng công ty, Tập đoàn lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn so với doanh nghiệp tư nhân hay không? (từ năm 2018 đến hiện nay)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | KB – Không biết (bỏ qua ý b)0- Không ưu ái (bỏ qua ý b)1 - Có ưu ái (trả lời tiếp ý b) | b) Nếu có, sự ưu ái đó có gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN không?(Đánh dấu ✓ vào một phương án lựa chọn ở mỗi dòng)1 - Không ảnh hưởng tới doanh nghiệp; 2 - Khó khăn không đáng kể; 3 - Tương đối cản trở, khó khăn; 4 - Gây khó khăn; |
| Sở Giao thông vận tải | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Tư pháp | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Xây dựng | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Lao động – thương binh và Xã hội | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Công thương | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Tài chính | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Sở Y tế | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Cục thuế | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |
| Bảo hiểm xã hội | □ 0 □ 1 | □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 |

**VII. DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP**

**Câu 11. Doanh nghiệp được mời tham gia và được hỗ trợ như thế nào từ các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do các Sở, ban, ngành tỉnh Trà Vinh tổ chức từ năm 2018 đến hiện nay?**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Sở, ban, ngành | a) Mời tham gia các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật | b) Mời tham gia các buổi đối thoại doanh nghiệp | c) Tư vấn tiếp cận thông tin thị trường | d) Hỗ trợ tham gia các hội chợ thương mại | e) Nhận được sự hỗ trợ về tài chính trong việc xây dựng và triển khai các dự án đầu tư | f) Hỗ trợ về mặt pháp lý | g) Chưa tham gia hay nhận được bất kỳ hỗ trợ nào của sở/ngành |
| (Đánh dấu ✓ vào phương án lựa chọn) |
| Sở Giao thông vận tải | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tài nguyên và Môi trường | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tư pháp | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Xây dựng | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Lao động – thương binh và XH | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Khoa học và Công nghệ | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Công thương | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Tài chính | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Giáo dục và Đào tạo | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Thông tin và Truyền thông | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Sở Y tế | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Cục thuế | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Ban Quản lý Khu kinh tế | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |
| Bảo hiểm xã hội | □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |

**THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Câu 12. Tên doanh nghiệp/HTX: ………………………………………………………………………………………………………

Câu 13. Địa chỉ: …………………………………………………………………………………………………………………………

Câu 14. Số điện thoại liên hệ: ………………………………………. Email: ………………………………………………………….

Câu 15. Doanh nghiệp có tham gia Hiệp hội Doanh nghiệp/Hiệp hội ngành nghề tỉnh Trà Vinh? □Có □ Không

Nếu có cho biết tên Hiệp hội/Hội DN: ………………………………………………………………………………………………….

Đề nghị anh/chị cho biết lợi ích của việc tham gia các Hiệp hội trên: …………………………………………………………………

Câu 16. Doanh nghiệp có góp ý/đề xuất gì nhằm cải thiện năng lực điều hành của Sở, ban, ngành và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh?

Chúng tôi cam kết thông tin Anh/Chị cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất mục đích xác nhận thông tin. Tính khuyết danh trong tất cả các tài liệu và báo cáo được đảm bảo tuyệt đối. Đóng góp ý kiến của Anh/Chị đã và đang góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh Trà Vinh xây dựng địa phương thành nơi đáng sống và làm việc cho mọi công dân.

Xin chân thành cảm ơn Anh/Chị đã tham gia khảo sát!

Phụ lục 3

**Danh sách doanh nghiệp khảo sát tại địa bàn huyện Duyên Hải**

(*Kèm Công văn số 1539/SKHĐT-TTXT ngày 20/8/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên doanh nghiệp** | **Địa chỉ** | **Điện thoại** |
| 1 | CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU HOÀNG CHƯƠNG | Ấp Rọ Say, Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 074.3838525 |
| 2 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG NGUYỄN VĂN KHỞI | Khóm 5, Thị Trấn Long Thành, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0743.837201-0913.187629 |
| 3 | CÔNG TY TNHH MTV TÀI VỤ | Ấp Rọ Say, Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 01699.239527 |
| 4 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỨC MỸ C-L | Ấp Phước Trị, Xã Long Toàn, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0743.732833 |
| 5 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG HẢI TRÀ | Ấp Tà Rom A, Xã Đôn Châu, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0919842290 |
| 6 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỆT TÂM | Ấp Tân Thành, Xã Long Khánh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0918117925 |
| 7 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG MAI HUY | ấp Mé Láng , Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 01235.421.422 |
| 8 | CÔNG TY TNHH MTV THÁI NGOAN | Ấp Kinh Đào, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 01237020633 |
| 9 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TUYẾT LƯU | Ấp Chợ, Xã Đôn Xuân, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0949104000 |
| 10 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIÊN PHƯỚC | Ấp Cây Da, Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 01689.783979 |
| 11 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG TÂY VIỆT | ấp Chợ, Xã Đôn Xuân, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0918872007 |
| 12 | CÔNG TY TNHH PETROL PHƯỚC TOÀN | Ấp Ba Sát, Xã Đôn Châu, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0907528386 |
| 13 | CÔNG TY TNHH THIỆN THÀNH TRUNG HIẾU | Ấp Cái Cỏ, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0919249949 |
| 14 | CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG NGUYỄN THANH PHONG | ấp Động Cao , Xã Đông Hải, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0918 702 545 |
| 15 | CÔNG TY TNHH MTV THẠCH SAO | ấp Sóc Ruộng , Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0294.3838139 |
| 16 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG LỘC TÀI | ấp Bà Nhì, Xã Đôn Châu, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0913742708 |
| 17 | CÔNG TY TNHH MTV CHÁNH TUYỀN | ấp Phước Thiện, Xã Đông Hải, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0294.6546 434 |
| 18 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY YẾN | Ấp Cóc Lách, Xã Đôn Châu, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0865939787 |
| 19 | CÔNG TY TNHH TRẦN THỊ YẾN OANH | Ấp Kinh Đào, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0394.787.094 |
| 20 | CÔNG TY TNHH MTV PHẠM THÁI BÌNH | Ấp La Ghi, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0355.451.891 |
| 21 | CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRẦM THANH NHÀN | Ấp Thốt Lốt, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 02943.830.099 |
| 22 | CÔNG TY TNHH ĐÒ NGANG CƯỜNG THỊNH | Ấp Phước Thiện, Xã Đông Hải, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0905.249.249 |
| 23 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI AN AN BÌNH | Ấp Cái Cối, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 097 393 6596 |
| 24 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHƯƠNG TRANG HUY TÍN | Hương lộ 24, khóm 6, Thị Trấn Long Thành, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 01265 519228 |
| 25 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ GIAO THÔNG HOÀNG GIA | Ấp Cây Da, Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | +84852824824 |
| 26 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CÔNG ĐOÀN | Ấp Cồn Cù, Xã Đông Hải, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 074.739904 |
| 27 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DƯƠNG VĨNH HIỆP | Ấp Thốt Lốt, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0294.3830049 |
| 28 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ANH HUY | Ấp Cây Da, Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0294.3838238 |
| 29 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BÌNH AN | Ấp Cây Da, Xã Đôn Xuân, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0743.876247 |
| 30 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MINH HIỂU | Khóm 6, Thị Trấn Long Thành, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam | 0294.3837866 |